

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 431/QĐ-TTg

Hà Nội, ngày 14 tháng 3 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Quy hoạch chung Khu kinh tế ven biển
phía Nam Hải Phòng đến năm 2050**

THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 12 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22 tháng 01 năm 2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;

Căn cứ Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về phân định thẩm quyền chính quyền địa phương 2 cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và các Nghị định khác liên quan;

Căn cứ Quyết định số 1511/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Khu kinh tế ven biển phía Nam Hải Phòng, thành phố Hải Phòng;

Căn cứ Quyết định số 1476/QĐ-TTg ngày 03 tháng 7 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Nhiệm vụ Quy hoạch chung Khu kinh tế ven biển phía Nam Hải Phòng đến năm 2050;

Theo đề nghị tại Tờ trình số 71/TTr-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng và Báo cáo thẩm định số 44/BXD-QHKT ngày 02 tháng 3 năm 2026 của Bộ Xây dựng về việc thẩm định Quy hoạch chung Khu kinh tế ven biển phía Nam Hải Phòng đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chung Khu kinh tế ven biển phía Nam Hải Phòng đến năm 2050 với những nội dung chủ yếu như sau:

1. Phạm vi, quy mô và thời hạn lập quy hoạch:

a) Phạm vi ranh giới lập quy hoạch: bao gồm toàn bộ xã Hùng Thắng, xã Chân Hưng và một phần các xã: Nghi Dương, Kiến Hưng, Kiến Hải, An Hưng, Tiên Minh, Nguyễn Bình Khiêm, Vĩnh Am, Nam Đồ Sơn.

b) Quy mô diện tích lập quy hoạch: khoảng 20.000 ha.

c) Giai đoạn lập quy hoạch: ngắn hạn đến năm 2035; dài hạn đến năm 2050.

2. Quan điểm, mục tiêu quy hoạch

a) Quan điểm

- Tuân thủ theo quyết định thành lập Khu kinh tế ven biển phía Nam Hải Phòng của Thủ tướng Chính phủ về các quan điểm, định hướng phát triển, chính xác hóa ranh giới, phạm vi khu kinh tế để khai thác tốt nhất lợi thế vị trí, tính chất các khu chức năng như khu công nghiệp công nghệ cao, khu thương mại tự do thế hệ mới, khu cảng biển và dịch vụ cảng biển, dịch vụ logistics, khu đô thị sinh thái, trung tâm tài chính, khu du lịch, khu trung tâm hành chính, các khu dân cư và một số công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế, xã hội,...

- Rà soát, cập nhật các định hướng mới từ Chính phủ, vùng duyên hải Bắc Bộ, vùng đồng bằng sông Hồng và thành phố Hải Phòng để định hướng, phân bổ, cân đối các chức năng đảm bảo tính cân bằng, tăng hiệu quả sử dụng đất và làm cơ sở điều chỉnh các quy hoạch xây dựng hiện có đáp ứng với tình hình mới.

- Phát triển Khu kinh tế ven biển Nam Hải Phòng trở thành động lực về kinh tế, có tính cạnh tranh quốc tế theo hướng hiện đại, xanh, thông minh, đồng bộ trong đó nhấn mạnh yếu tố phát triển bền vững về môi trường.

b) Mục tiêu

- Xây dựng Khu kinh tế ven biển phía Nam Hải Phòng phù hợp với chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam; nhằm cụ thể hóa các mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp, định hướng mới tại các Nghị quyết, chủ trương của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và đặc biệt là các Quy hoạch ngành quốc gia (đường bộ, cảng biển, hàng không, không gian biển,...) và quy hoạch vùng đồng bằng sông Hồng và các quy hoạch khác có liên quan.

- Xây dựng Khu kinh tế ven biển Nam Hải Phòng trở thành động lực tăng trưởng kinh tế chủ đạo của thành phố Hải Phòng; là trung tâm kinh tế biển, tạo động lực phát triển cho vùng đồng bằng sông Hồng và vùng duyên hải Bắc Bộ.

- Xây dựng và phát triển một Khu kinh tế ven biển tổng hợp đa ngành theo mô hình Khu kinh tế áp dụng công nghệ tiên tiến trên thế giới, có hệ thống hạ tầng kinh tế, hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội hiện đại, xanh, thông minh.

- Kết hợp chặt chẽ mục tiêu phát triển kinh tế gắn với bảo tồn, phát huy giá trị của hệ sinh thái biển và các di tích lịch sử văn hoá trên địa bàn, đảm bảo an ninh quốc phòng.

- Làm cơ sở pháp lý để triển khai các quy hoạch cấp dưới và các dự án đầu tư xây dựng.

3. Tính chất

- Là khu kinh tế sinh thái thế hệ mới, phát triển theo mô hình tăng trưởng xanh, kinh tế tuần hoàn, phát triển bền vững, có vai trò đổi mới, tiên phong, có chức năng hỗ trợ, kết nối với các khu kinh tế ven biển khác.

- Là đầu mối giao thông trọng điểm của quốc gia và quốc tế về đường bộ, đường thủy và đường hàng không; là khu vực động lực tăng trưởng kinh tế chủ đạo của thành phố Hải Phòng.

- Là khu kinh tế ven biển tổng hợp, đa ngành, đa chức năng; tập trung phát triển công nghiệp công nghệ cao, cảng biển, logistics và đô thị hiện đại, xanh, thông minh; trọng tâm là khu thương mại tự do và cảng miễn thuế với các cơ chế đặc thù.

- Là khu vực có vị trí quan trọng về an ninh quốc phòng.

4. Các chỉ tiêu dự báo phát triển và các chỉ tiêu quy hoạch

a) Dự báo quy mô dân số:

- Dân số đến năm 2035 khoảng 195.000 người.

- Dân số đến năm 2050 khoảng 350.000 người.

b) Quy mô đất xây dựng:

- Đến năm 2035: Diện tích xây dựng các khu chức năng khoảng 10.500 ha.

- Đến năm 2050: Diện tích xây dựng các khu chức năng khoảng 15.630 ha.

5. Mô hình, cấu trúc phát triển

Mô hình phát triển khu kinh tế lấy khu thương mại tự do làm trung tâm, phát triển công nghiệp, dịch vụ gắn với hệ thống cảng sông, cảng biển, phát triển các khu đô thị và dân cư gắn với phát triển công nghiệp và dịch vụ.

Cấu trúc không gian Khu kinh tế được hoạch định dựa trên các tuyến giao thông liên kết vùng và khung giao thông chính của thành phố, bám sát hệ thống các sông Văn Úc, sông Thái Bình và sông Hoá; hình thành 01 trung tâm là khu vực lõi, 02 đầu mối giao thông quốc tế (cảng hàng không Tiên Lãng và ga đường sắt - cảng Nam Đồ Sơn), tạo 02 hành lang phát triển chính (hành lang phát triển công nghiệp - cảng và dịch vụ logistics dọc sông Văn Úc ra tới cảng Nam Đồ Sơn; hành lang công nghiệp, đô thị và dịch vụ dọc theo tuyến cao tốc ven biển và đường nối tới cầu Lạng Am).

6. Định hướng phát triển không gian

a) Định hướng phát triển không gian tổng thể

Không gian Khu kinh tế được hình thành trên hệ thống sông ngòi mặt nước tự nhiên và hệ thống khung giao thông đa phương thức với các tuyến đường sắt, metro, đường thủy, đường bộ, cảng hàng không, cảng biển,... được quy hoạch hướng biển. Khu kinh tế bao gồm các vùng không gian chính:

- Vùng không gian trung tâm: Phát triển về hai phía tuyến đường cao tốc ven biển. Hình thành khu thương mại tự do, là không gian trọng tâm của Khu kinh tế. Xây dựng các khu vực sản xuất công nghiệp, trung tâm R&D (nghiên cứu phát triển), dịch vụ logistics. Phát triển các trung tâm dịch vụ theo các trục cảnh quan chính hướng biển. Phát triển các khu đô thị dịch vụ mới gắn với khu dân cư hiện hữu. Mở rộng không gian lấn biển về phía Đông Nam để Quy hoạch cảng hàng không Tiên Lãng, bố trí các tuyến giao thông kết nối đường bộ, đường sắt, tổ chức phân luồng hành khách và hàng hóa tiếp cận sân bay.

- Vùng không gian phía Bắc sông Văn Úc: Khai thác hệ thống cảng sông theo quy hoạch chuyên ngành để phát triển các khu, cụm và cơ sở công nghiệp; phát triển các khu đô thị gắn với tái thiết các khu dân cư hiện trạng; tạo lập các trung tâm dịch vụ hỗ trợ phát triển đô thị, công nghiệp, cảng. Phát triển xây dựng cảng Nam Đồ Sơn gắn với các tuyến đê chắn sóng; hình thành trung tâm logistic gắn với các bến, cảng tại cửa sông Văn Úc, ga đường sắt.

- Vùng không gian khu vực phía Tây: Phát triển các khu dân cư và dịch vụ gắn với vùng phát triển công nghiệp, duy trì một phần không gian sinh thái nông nghiệp phát triển theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao.

b) Định hướng phát triển không gian các khu vực

Khu kinh tế ven biển phía Nam Hải Phòng được chia thành 06 phân khu chính như sau:

- Phân khu 01: Khu thương mại tự do; thuộc một phần địa giới hành chính xã Chấn Hưng và xã Hùng Thắng; quy mô: khoảng 2.923 ha; dân số khoảng 85.000 người.

+ Tính chất, chức năng: Là khu thương mại tự do thế hệ mới với các điều kiện ưu đãi đặc biệt nhằm thu hút đầu tư phát triển kinh tế cho vùng và quốc gia; là khu vực đô thị cửa ngõ của phía Nam thành phố Hải Phòng với mô hình phát triển bền vững và năng động; là khu vực phát triển tổng hợp đa ngành theo mô hình phân khu hỗn hợp - kết hợp phát triển các ngành công nghiệp công nghệ cao, logistics xanh, thông minh kết hợp thương mại, dịch vụ tài chính.

+ Định hướng phát triển:

. Phát triển các khu công nghiệp hai bên tuyến đường cao tốc ven biển và ven cửa sông Văn Úc, định hướng xây dựng theo mô hình khu công nghiệp sinh thái, xanh thông minh hiện đại. Phát triển khu vực dịch vụ logistics và cảng hàng hóa gắn với cửa sông Văn Úc, kết nối với tuyến hàng hải trong nước và khu vực.

. Quy hoạch khu vực lõi trung tâm các chức năng hỗn hợp dịch vụ. Hình thành các trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D).

. Phát triển các chức năng hỗn hợp tại các đầu mối giao thông đường bộ, đường sắt, đường hàng không theo mô hình TOD. Bố trí các nhà ga trung chuyển đường sắt đô thị tới các không gian chức năng trong khu kinh tế. Kết nối với trung tâm thành phố Hải Phòng và cảng hàng không Tiên Lãng qua các tuyến đường bộ và đường sắt đô thị.

. Hình thành khu dân cư đô thị cung cấp nhà ở cho chuyên gia và lao động trong khu kinh tế.

- Phân khu 02: Khu vực phát triển mở rộng phía Đông Nam; thuộc một phần địa giới hành chính xã Chấn Hưng, xã Hùng Thắng và không gian biển; quy mô diện tích khoảng 3.613 ha, dân số khoảng 5.000 người.

+ Tính chất, chức năng: Là khu hỗn hợp đô thị, dịch vụ, logistics, công nghiệp, các trung tâm nghiên cứu, công viên sinh thái, triển lãm quốc tế và cảng hàng không Tiên Lãng; là đầu mối giao thông trọng điểm của quốc gia và quốc tế về đường hàng không.

+ Định hướng phát triển:

. Hình thành “hành lang sáng tạo” với các chức năng hỗn hợp dịch vụ: trung tâm thương mại tài chính, triển lãm, hội nghị hội thảo, trung tâm nghiên cứu và phát triển, các khu nghiên cứu thử nghiệm và sản xuất công nghiệp. Dự kiến là khu vực mở rộng khu thương mại tự do trong tương lai khi có nhu cầu.

. Tái tạo và mở rộng diện tích trồng rừng ngập mặn kết hợp với các công viên đô thị phục vụ nhu cầu thể dục thể thao, du lịch, giải trí, nghiên cứu và giáo dục.

. Quy hoạch khu cảng hàng không Tiên Lãng và công viên sinh thái biển về phía Đông Nam, tổ chức tuyến đường bộ và đường sắt đô thị kết nối tới nhà ga sân bay.

- Phân khu 03: Khu vực cảng Nam Đồ Sơn; thuộc một phần địa giới hành chính xã Kiến Hải, phường Nam Đồ Sơn và không gian biển. Quy mô diện tích khoảng 4.486 ha, dân số khoảng 16.000 người.

+ Tính chất, chức năng: Là đầu mối giao thông trọng điểm của quốc gia và quốc tế về đường bộ, đường thủy; là khu vực cảng biển và ga đường sắt gắn với đô thị, dịch vụ, thương mại, logistics, kho bãi vận tải và dân cư hiện hữu.

+ Định hướng phát triển:

. Xây dựng cảng Nam Đồ Sơn theo mô hình cảng xanh, thông minh, cảng miễn thuế. Xây dựng hệ thống cầu cảng, đê chắn sóng. Bố trí các khu chức năng dịch vụ logistics gắn với cảng.

. Tổ chức các nút giao cắt để kết nối các không gian cảng biển, nhà ga đường sắt, hệ thống kho bãi thông minh. Tại khu vực nhà ga đường sắt bố trí trung tâm dịch vụ công cộng cấp vùng,

. Cải tạo chỉnh trang khu vực dân cư hiện hữu đảm bảo hài hòa không gian và môi trường.

- Phân khu 04: Khu vực phát triển phía Bắc sông Văn Úc; thuộc một phần địa giới hành chính các xã An Hưng, Nghi Dương, Kiến Hưng và Kiến Hải. Quy mô: Diện tích khoảng 3.195 ha, dân số khoảng 47.000 người.

+ Tính chất, chức năng: Là khu vực phát triển công nghiệp công nghệ cao, logistic gắn với hệ thống cảng sông Văn Úc và khu dân cư, làng xóm hiện hữu.

+ Định hướng phát triển:

. Phát triển các khu, cụm công nghiệp gắn với các trục giao thông đối ngoại và tuyến đường thủy nội địa và hệ thống cảng sông. Cải tạo và mở rộng các khu dân cư hiện hữu.

. Nâng cấp cải tạo hệ thống đê điều, lấn đê các khu vực phù hợp theo định hướng quy hoạch cấp trên và quy hoạch chuyên ngành. Xây dựng cầu mới qua sông Văn Úc để kết nối với các khu chức năng khác trong khu kinh tế.

. Bảo vệ hệ cây xanh sinh thái ven sông, kết nối các mạch nước tự nhiên góp phần thoát nước cho dân cư và công nghiệp.

- Phân khu 5: Khu vực phát triển phía Tây Bắc; thuộc một phần địa giới hành chính các xã Chấn Hưng, Hùng Thắng và Tiên Minh. Quy mô diện tích khoảng 2.964 ha, dân số khoảng 120.000 người.

+ Tính chất, chức năng: Là khu đô thị dịch vụ mới gắn với khu dân cư hiện hữu; là khu vực phát triển công nghiệp, nông nghiệp xanh, sinh thái, trung tâm nghiên cứu chuyển giao công nghệ mới.

+ Định hướng phát triển:

. Phát triển các khu đô thị, dịch vụ, công nghiệp với mô hình xanh, thông minh, sinh thái. Xây dựng các khu công nghiệp gắn với cảng sông Văn Úc. Cải tạo chỉnh trang các không gian dân cư hiện trạng, bổ sung cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đảm bảo việc nâng cao đời sống người dân. Phát triển các khu nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư phục vụ phát triển các khu công nghiệp và hạ tầng cho khu kinh tế.

. Bảo vệ hệ sinh thái ven sông, kết nối các mạch nước tự nhiên góp phần thoát nước cho đô thị, dân cư hiện hữu và công nghiệp. Phát triển khu vực nông nghiệp hiện hữu theo hướng nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp công nghệ cao.

- Phân khu 06: Khu vực phát triển phía Tây; thuộc một phần địa giới hành chính các xã Nguyễn Bình Khiêm và Vĩnh Am. Quy mô diện tích khoảng 2.819 ha, dân số khoảng 77.000 người.

+ Tính chất, chức năng: là khu vực phát triển dân cư mới và các khu, cụm công nghiệp gắn với khu dân cư hiện trạng cải tạo và sản xuất nông nghiệp công nghệ cao.

+ Định hướng phát triển:

. Phát triển công nghiệp dọc theo hành lang sông Thái Bình và sông Hoá; phát triển nông nghiệp công nghệ cao gắn với sản phẩm truyền thống của địa phương.

. Hình thành các khu vực dân cư và dịch vụ hai bên tuyến đường kết nối cầu lạng Am tới cao tốc ven biển. Cải tạo chỉnh trang các không gian dân cư hiện trạng, bổ sung cơ sở hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật đảm bảo việc nâng cao đời sống người dân. Phát triển các khu dân cư mới, các khu nhà ở xã hội, tái định cư phục vụ khu công nghiệp.

. Xây dựng các cầu mới qua sông để tăng kết nối tới các khu chức năng khác trong khu kinh tế.

7. Định hướng quy hoạch các khu chức năng

a) Khu vực phát triển công nghiệp

- Quy hoạch 09 khu công nghiệp với diện tích khoảng 3.633 ha, trong đó 08 khu đã được quy hoạch ngành xác định, bổ sung 01 khu mới.

- Quy hoạch 05 cụm công nghiệp với diện tích khoảng 275 ha.

- Các cơ sở sản xuất công nghiệp khác quy hoạch tại xã Kiến Hải và phía Nam khu thương mại tự do, tổng diện tích khoảng 170 ha.

- Xây dựng các khu, cụm công nghiệp và cơ sở sản xuất công nghiệp khác trong khu kinh tế theo mô hình sinh thái, xanh, thông minh.

b) Khu vực phát triển dịch vụ, logistics

- Xây dựng các trung tâm logistics hiện đại, xanh, thông minh, bố trí tại 03 khu vực chính:

- + Trung tâm logistics Tiên Lãng (tại khu vực xã Hùng Thắng) khoảng 100 ha;

- + Trung tâm logistics cảng Nam Đồ Sơn: khoảng 200 - 300 ha;

- + Trung tâm logistics mới phía Nam (Trung tâm logistics chuyên dụng gần với cảng sông Văn Úc và sân bay Tiên Lãng): khoảng 200 ha.

- Hệ thống dịch vụ khác:

- + Quy hoạch tại các điểm nút và dọc trục đường trục chính trung tâm thuộc khu thương mại tự do các công trình hỗn hợp, hành chính, thương mại, tài chính, văn phòng,...

- + Quy hoạch trung tâm triển lãm, trung tâm hội nghị, hội thảo quốc tế tại vị trí phía Nam khu thương mại tự do gần với quảng trường biển và công viên sinh thái biển.

- + Quy hoạch khu hỗn hợp dịch vụ công cộng, thương mại tại khu vực nhà ga đường sắt phía Tây Bắc cảng Nam Đồ Sơn, hỗ trợ các hoạt động cảng và logistic.

- + Hệ thống công trình thương mại dịch vụ tại các khu đô thị, khu dân cư.

c) Khu vực phát triển dân cư

Định hướng quy hoạch 03 khu vực phát triển khu đô thị, dân cư chính:

- Khu vực phát triển đô thị trung tâm: tại hai bên tuyến đường cao tốc ven biển gần với khu thương mại tự do và các khu dân cư hiện hữu thuộc xã Chấn Hưng, Hùng Thắng theo mô hình đô thị xanh, thông minh, sinh thái. Cải tạo chỉnh trang dân cư hiện hữu, bổ sung quỹ đất cho tái định cư và nhà ở xã hội.

- Khu vực phát triển khu đô thị mới gần với cảng và khu, cụm công nghiệp phía Bắc sông Văn Úc: cải tạo chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu, bổ sung quỹ đất phát triển các khu dân cư mới, một phần phục vụ tái định cư.

- Khu vực phát triển dân cư gắn với khu, cụm công nghiệp phía Tây: Cải tạo chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu, phát triển dân cư mới và đầy đủ tiện ích. Phát triển nông nghiệp công nghệ cao phù hợp với điều kiện tự nhiên của khu vực.

d) Hệ thống hạ tầng xã hội:

- Giáo dục, đào tạo:

+ Mở rộng trường trung học phổ thông (THPT) Hùng Thắng hiện có lên khoảng 2,0 ha, xây dựng mới 03 trường THPT: 01 tại xã Nguyễn Bình Khiêm với quy mô khoảng 2,0 ha; 01 tại phía Bắc xã Chân Hưng, quy mô khoảng 3,0 ha; 01 tại phía Nam trục đường ven biển với quy mô khoảng 2,0 ha.

+ Định hướng xây dựng các trường chất lượng cao, đạt chuẩn theo quy định. Nghiên cứu kết hợp xây dựng mô hình trường liên cấp.

+ Tại khu thương mại tự do quy hoạch trung tâm nghiên cứu và phát triển (R&D) có chức năng đào tạo, chuyển giao công nghệ, tập trung đào tạo nguồn nhân lực công nghệ cao. Bố trí tích hợp các khu R&D trong các khu chức năng hỗn hợp, khu công nghiệp.

- Y tế: Xây mới một trung tâm y tế tại xã Hùng Thắng với quy mô khoảng 500 - 1000 giường bệnh.

Nâng cấp và mở rộng các cơ sở hiện có đảm bảo chất lượng khám chữa bệnh. Khuyến khích phát triển bệnh viện tư nhân, các phòng khám đa khoa tư nhân.

- Văn hóa, thể dục thể thao:

+ Quy hoạch các thiết chế văn hóa, thể dục thể thao (TDTT) cơ sở phục vụ nhu cầu người dân trong khu vực đảm bảo quy mô và bán kính phục vụ theo tiêu chuẩn, quy chuẩn.

+ Bố trí các công trình như nhà văn hóa, thư viện cộng đồng, câu lạc bộ,... gắn với cộng đồng dân cư: khu vực phía Tây Khu kinh tế (thuộc xã Am Hưng và Nguyễn Bình Khiêm); khu vực trung tâm phía Bắc trục đường ven biển (thuộc xã Chân Hưng và Hùng Thắng); khu vực phía Nam trục đường ven biển thuộc khu thương mại Tự do (xã Chân Hưng và Hùng Thắng).

đ) Định hướng bảo tồn, tôn tạo các công trình tôn giáo, di tích lịch sử, văn hoá.

Định hướng quy hoạch khoanh vùng bảo vệ các di sản văn hoá, các công trình tín ngưỡng tôn giáo gắn với các không gian định cư đô thị - nông thôn, đảm bảo tuân thủ quy định tại Luật Di sản văn hóa và các quy định pháp luật liên quan. Bảo vệ các công trình di tích, tín ngưỡng tôn giáo trên nguyên tắc ưu tiên giữ lại vị trí hiện trạng, hạn chế tối đa ảnh hưởng tới di tích.

8. Hệ thống không gian mở, công viên cây xanh, quảng trường

Quy hoạch hệ thống không gian mở, hành lang xanh, mặt nước trên cơ sở khai thác, mở rộng các không gian cảnh quan mặt nước tự nhiên ven các sông Văn Úc, sông Hoá, hồ đầm và các kênh nước tự nhiên khác trong khu vực.

Các khu công viên cây xanh công cộng, TDTT chính trong Khu kinh tế có quy mô từ 02 - 15 ha, bao gồm: Khu cây xanh công viên trung tâm TDTT khu thương mại tự do; khu cây xanh công viên, TDTT trung tâm đô thị Hùng Thắng; trục cây xanh cảnh quan trung tâm khu thương mại tự do và các công viên cây xanh trong các khu vực dân cư.

Quy hoạch các khu công viên chuyên đề, các khu cây xanh ngoài dân dụng: Khu cây xanh công viên rừng ngập mặn kết hợp các công viên đô thị nhằm phục vụ nhu cầu thể dục thể thao (sân gôn), giải trí, giáo dục và tham quan ngắm cảnh; khu cây xanh cảnh quan ven sông Văn Úc và sông Hóa, hành lang cây xanh cách ly bảo vệ đề điều và hệ thống hạ tầng kỹ thuật.

Xây dựng các quảng trường gắn với trọng tâm các khu vực chức năng: Quảng trường biển, quảng trường khu vực ga đường sắt Nam Hải Phòng và đường sắt ven biển, quảng trường công viên trung tâm, các quảng trường tại các nút giao thông trục chính đô thị để tạo điểm không gian công cộng cho hoạt động tập trung đông người, giao tiếp cộng đồng và hỗ trợ phát triển du lịch.

9. Công trình điểm nhấn

Các khu vực bố trí công trình điểm nhấn chính cho Khu kinh tế bao gồm:

- Khu quảng trường biển: là điểm nhấn đón hướng nhìn trên trục trung tâm của Khu thương mại tự do và cảng hàng không.

- Khu trung tâm dịch vụ triển lãm quốc tế - trung tâm thương mại - tài chính tại vị trí ven biển gắn với công viên sinh thái ven biển, là biểu tượng cho Khu kinh tế.

- Điểm nhấn trên tuyến đường nối cầu Lạng Am với đường bộ ven biển tại khu trung tâm đô thị phía Tây.

- Các công trình hỗn hợp dịch vụ tại khu vực nhà ga đường sắt quốc gia, đường sắt đô thị tại cửa ngõ phía Đông Khu kinh tế trên tuyến đường bộ ven biển.

- Khu dịch vụ hỗn hợp tại cửa ngõ phía Bắc khu kinh tế trên tuyến đường tỉnh 212.

10. Các khu vực cửa ngõ

Khu kinh tế có 06 cửa ngõ chính sau:

- Cửa ngõ phía Đông theo tuyến đường bộ ven biển: hướng chính từ trung

tâm thành phố Hải Phòng và các khu vực Tây thành phố Hải Phòng đến Khu kinh tế.

- Cửa ngõ phía Tây theo tuyến đường nối cầu Lạng Am với đường bộ ven biển hướng từ Hưng Yên theo tuyến quốc lộ 10 và quốc lộ 37 đến Khu kinh tế.

- Cửa ngõ phía Bắc theo tuyến đường tỉnh 212 hướng từ Khu kinh tế chuyên biệt phía Nam của thành phố đến Khu kinh tế.

- Cửa ngõ phía Nam trên tuyến đường bộ ven biển: cũng là cửa ngõ vào Khu thương mại tự do của Khu kinh tế.

- Cửa ngõ hàng không: khu vực cảng hàng không Tiên Lãng.

- Cửa ngõ đường thủy: khu vực cảng Nam Đồ Sơn.

11. Khu vực trọng điểm

Các khu vực trọng điểm đóng góp quan trọng và tạo dựng giá trị kinh tế và cảnh quan gồm:

- Khu cảng biển Nam Đồ Sơn và các khu công nghiệp.

- Khu vực trung tâm khu thương mại tự do.

- Khu vực cảng hàng không Tiên Lãng.

- Khu vực hỗn hợp dịch vụ, dịch vụ logistics tại đầu mối ga đường sắt Nam Đồ Sơn và tuyến đường sắt Hải Phòng - Ninh Bình.

- Khu trung tâm các khu đô thị

Yêu cầu thiết kế tại các khu vực trọng tâm có không gian kiến trúc đặc trưng, đa dạng, khuyến khích các công trình xây dựng có xu hướng kiến trúc mới, công trình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh; tạo không gian dẫn hướng đến các khu vực trung tâm, tạo tầm nhìn cho các công trình và tổ hợp công trình trong các khu trung tâm.

12. Định hướng quy hoạch không gian ngầm

Các khu vực ưu tiên phát triển không gian ngầm: các bãi đỗ xe ngầm, các công trình giao thông công cộng ngầm, các trung tâm logistics, ga đường sắt, khu TOD, các khu trung tâm thương mại, dịch vụ tập trung mật độ cao.

Tích hợp không gian ngầm: bãi đỗ xe ngầm, mạng lưới ngầm đi bộ, dịch vụ thương mại ngầm liên kết với ga đường sắt và các công trình lân cận. Tăng cường kết nối giữa không gian ngầm và trên mặt đất.

Quy hoạch tổ chức không gian chức năng dưới mặt đất theo chiều sâu kết hợp hạ tầng kỹ thuật ngầm. Mạng lưới hạ tầng kỹ thuật ngầm (đường ống, đường dây, hào kỹ thuật, tuy nèn kỹ thuật, vv...) phải tuân thủ các quy chuẩn quốc gia (QCVN) của Việt Nam, đảm bảo đồng bộ, an toàn.

13. Định hướng an ninh - quốc phòng

- Đối với lĩnh vực an ninh: Quy hoạch đất trụ sở công an phường/xã, quỹ đất trụ sở doanh trại công an và phòng cháy chữa cháy theo quy hoạch hạ tầng phòng cháy chữa cháy và quy hoạch đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

+ Bố trí quỹ đất Trụ sở làm việc của lực lượng Công an đảm bảo an ninh trật tự, phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ tại các khu công nghiệp; khu chế xuất; sân bay; cảng biển và cụm công nghiệp có quy mô lớn hơn 50 ha với diện tích đất an ninh tối thiểu là 2,5 ha.

+ Bố trí trụ sở công an các xã đảm bảo quy mô diện tích theo quy hoạch sử dụng đất an ninh của địa phương. Đối với các vị trí đất an ninh (hiện đang làm trụ sở làm việc Công an cấp xã) thuộc ranh giới, phạm vi quy hoạch xây dựng các khu công nghiệp thì bố trí vị trí đất mới đảm bảo tối thiểu 0,1 ha, tối đa 04 vị trí, đáp ứng yêu cầu công tác của Công an cấp xã.

- Đối với đất quốc phòng: bố trí cho các trụ sở Ban chỉ huy quân sự cấp xã, đồn biên phòng, trạm kiểm soát Biên phòng..., quy mô diện tích đảm bảo tuân thủ Quyết định số 2256/QĐ-BQP ngày 30 tháng 5 năm 2023 của Bộ Quốc phòng và các yêu cầu thực tế tại địa phương.

14. Quy hoạch sử dụng đất

Quy hoạch sử dụng đất trên nguyên tắc bố trí đa dạng chức năng sử dụng đất tại các khu vực để nâng cao hiệu quả khai thác sử dụng đất của từng khu vực cụ thể; ưu tiên tiêu chí giảm thiểu khối lượng giải toả đền bù, tái định cư; đảm bảo diện tích rừng phòng hộ; khai thác vùng ngập nước tuân thủ các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường, quy hoạch không gian biển và quy hoạch sử dụng vùng bờ.

(Chi tiết quy hoạch sử dụng đất tại Phụ lục kèm theo).

15. Định hướng phát triển hạ tầng kỹ thuật

a) Định hướng quy hoạch giao thông

- Giao thông đối ngoại:

+ Giao thông đường bộ: Hoàn thiện tuyến đường cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng (CT.08). Nâng cấp, cải tạo kết hợp xây mới các tuyến: QL37 cũ, ĐT354, ĐT363, đường 212, trục đối ngoại Bắc - Nam và Đông - Tây,... kết nối với mạng lưới giao thông quốc gia, các tỉnh, thành phố trong khu vực.

+ Đường sắt: Tuân thủ quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2030. Xây dựng 02 tuyến đường sắt quốc gia, 02 tuyến đường sắt đô thị. Xây dựng 03 ga đường sắt quốc gia và các ga đường sắt đô thị. Giai đoạn trước năm 2030 triển khai xây dựng trước tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng nhánh xuống Nam Đồ Sơn và ga Nam Đồ Sơn.

+ Đường biển: Tuân thủ quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam; quy hoạch chi tiết phát triển vùng đất, vùng nước cảng biển Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; đảm bảo chức năng cửa ngõ quốc tế. Xây dựng mới các khu bến Nam Đồ Sơn, khu bến Văn Úc, các bến cảng, bến phao, khu neo chuyển tải,... theo quy hoạch chuyên ngành.

+ Đường thủy nội địa: Duy tu, nạo vét đảm bảo an toàn giao thông đường thủy. Nâng cấp, xây mới hệ thống cảng thủy trên sông Văn Úc theo quy hoạch chuyên ngành.

+ Đường hàng không: Xây dựng cảng hàng không Tiên Lãng, các chỉ tiêu kỹ thuật theo quy hoạch chuyên ngành được duyệt cho giai đoạn dài hạn.

- Giao thông đô thị, công nghiệp:

+ Kế thừa và xây dựng bổ sung mạng lưới đường trục chính đô thị, đường chính đô thị từ các tuyến đường hiện hữu và quy hoạch cấp trên nhằm tăng cường kết nối Khu kinh tế với trung tâm thành phố và các tỉnh theo hướng Bắc - Nam, Đông - Tây.

+ Các tuyến đường trục chính đô thị, đường trục chính khu công nghiệp lộ giới 60 - 97,5 m.

+ Các tuyến đường chính đô thị, đường chính khu công nghiệp lộ giới 40 - 60 m.

+ Các tuyến đường khu vực và đường khu công nghiệp lộ giới 16 - 42 m.

+ Các tuyến đường hiện hữu: Tôn trọng hiện trạng, nâng cấp, cải tạo lộ giới 13 - 30 m.

- Công trình giao thông: Xây dựng 01 cầu qua sông Văn Úc và xây dựng 01 cầu qua sông Thái Bình; xây dựng 03 nút giao khác mức. Tổ chức các nút giao thông hợp lý, đảm bảo an toàn giao thông; xây dựng 05 cầu vượt trong đó 04 cầu vượt qua đường cao tốc ven biển Ninh Bình - Hải Phòng và 01 cầu vượt trên tuyến đường 212.

- Bãi đỗ xe: Quy hoạch các bãi đỗ xe công cộng tại các điểm đầu mối giao thông, các khu nhà ga đường sắt, công trình hành chính, các công trình dịch vụ công cộng đô thị, thương mại, dịch vụ, chợ, công viên, khu di tích... Ưu tiên sử dụng giải pháp đỗ xe thông minh, bãi đỗ xe cao tầng hoặc ngầm.

- Giao thông công cộng: Xây dựng các tuyến xe buýt, tuyến đường sắt đô thị, nhà ga, depot kết nối các khu vực của Khu kinh tế với trung tâm thành phố và các khu vực lân cận đảm bảo kết nối đồng bộ giữa các loại hình giao thông.

- Xây dựng cảng cạn Kiến Thụy theo quy hoạch chuyên ngành.

b) Định hướng chuẩn bị kỹ thuật

- Cao độ nền: (Hệ cao độ lục địa - Cao độ quốc gia)

+ Khu vực hiện trạng: giữ nguyên cao độ nền hiện trạng, chỉ san ủi cục bộ tránh ngập úng. Từng bước nâng cao cốt nền các khu vực thấp trũng đến cao độ tối thiểu đối với khu vực xây mới.

+ Khu vực xây mới: tôn nền đến cao độ an toàn, đảm bảo khu vực xây dựng không bị ngập úng, sạt lở, không bị ảnh hưởng mực nước biển dâng do biến đổi khí hậu. Xây dựng hệ thống đê, kè biển. Cao độ nền xây dựng tại các khu vực như sau:

+ Khu vực ngoài đê sông, đê biển: Cao trình mặt bên khu vực bến cảng Nam Đồ Sơn $H=3,60m$. Các khu vực ngoài đê khác thì cao độ xây dựng cần nghiên cứu giải phóng phòng chống lũ sông và thích ứng với biến đổi khí hậu...

+ Khu vực trong đê: Khu vực dân dụng: $H_{xd}min \geq 2,30m$; khu vực công nghiệp: $H_{xd}min \geq 2,70m$.

- Thoát nước mưa:

+ Xây dựng hệ thống thoát nước mưa phải đảm bảo thoát nước mưa toàn lưu vực. Khuyến khích lựa chọn hệ thống thoát nước mưa riêng biệt với nước thải (đối với khu vực đô thị hiện hữu và vùng nông thôn); thiết kế hệ thống thoát nước mưa riêng (đối với khu vực xây dựng mới, khu công nghiệp, du lịch...).

+ Khu kinh tế ven biển phía Nam Hải Phòng bao gồm 4 lưu vực chính.

. Lưu vực 1: thoát ra sông Văn Úc bao gồm các khu vực An Hưng, Nghi Dương, Kiến Hưng, Kiến Hải, Tiên Minh, Hùng Thắng, Chấn Hưng.

. Lưu vực 2: thoát ra sông Thái Bình bao gồm các khu vực Tiên Minh, Hùng Thắng, Chấn Hưng, Nguyễn Bình Khiêm.

. Lưu vực 3: thoát ra sông Hóa bao gồm các khu vực Nguyễn Bình Khiêm, Vĩnh Am.

. Lưu vực 4: thoát trực tiếp ra biển bao gồm các khu vực Hùng Thắng, Chấn Hưng, Kiến Hải, Nam Đồ Sơn.

c) Định hướng quy hoạch cung cấp năng lượng và chiếu sáng

- Nhu cầu cấp điện đến năm 2035 khoảng 843,91MW, tương đương 937,7MVA; đến năm 2050 khoảng 1.686,21 MW, tương đương 1.873,57 MVA.

- Nguồn điện:

+ Lưới điện 500 KV và các nhà máy điện đầu nối lưới điện 500 KV tuân thủ Điều chỉnh phát triển điện lực Quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (được Thủ tướng Chính phủ phê tại Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15 tháng 4 năm 2025).

+ Bổ sung nhà máy nhiệt điện LNG Hải Phòng công suất 4800 MW đầu nối lưới điện truyền tải 500 KV, vị trí trong khu công nghiệp Tân Trào, đảm bảo phù hợp với quy hoạch ngành được duyệt.

+ Nguồn trạm 220 KV quy hoạch mới: Trạm 220 KV Đồ Sơn, công suất 2x250 MVA và Trạm 220 KV Tiên Lãng, công suất 2x250 MVA.

+ Nguồn trạm 110 KV: Quy hoạch xây dựng mới 19 trạm biến áp 110 KV. Kết hợp các trạm hiện có được cải tạo nâng công suất và định hướng các trạm theo Quyết định số 323/QĐ-TTg ngày 30 tháng 3 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch chung thành phố Hải Phòng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2050 và Quyết định số 5455/QĐ ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Lưới điện:

+ Phương án đầu nối các trạm 220 KV: Tuân thủ điều chỉnh quy hoạch điện VIII và Điều chỉnh quy hoạch thành phố Hải Phòng thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

+ Thiết kế lưới điện 110 KV sẽ đảm bảo tiêu chí N-1, mỗi trạm 110 KV được cấp điện từ 2 đường dây 110 KV trở lên. (Chi tiết mạng lưới 110 KV xem bản vẽ cấp điện).

+ Lưới điện trung thế: Sử dụng cấp điện áp chuẩn 22 KV cấp điện cho các phụ tải trong khu vực. Từng bước cải tạo, hạ ngầm các tuyến trung thế hiện hữu trong khu vực trung tâm đảm bảo mỹ quan đô thị theo quy định.

+ Trạm hạ thế: Giai đoạn đầu tiếp tục sử dụng các trạm biến áp hiện có; từng bước cải tạo, chuyển đổi các trạm treo thành trạm kiểu kín, trạm hợp bộ hoặc trạm đặt trên trụ thép, nâng công suất để đảm bảo mỹ quan đô thị và vận hành an toàn. Các loại trạm treo hờ chỉ sử dụng trong các khu công nghiệp.

+ Chiếu sáng đô thị: Cải tạo, nâng cấp, phát triển tất cả các loại hình chiếu sáng. Đối với chiếu sáng các công trình giao thông, chiếu sáng các công trình công cộng, khu trung tâm vui chơi và chiếu sáng quảng cáo, đảm bảo độ rọi trong các tuyến đường nội bộ khu công nghiệp.

d) Định hướng quy hoạch hạ tầng viễn thông thụ động

- Nhu cầu thuê bao viễn thông (thuê bao điện thoại và Internet) đến năm 2035

khoảng 504.000 thuê bao, đến năm 2050 khoảng 1.100.000 thuê bao.

- Đầu tư xây dựng, nâng cấp đồng bộ hạ tầng kỹ thuật ngầm (tuynel, hào, cống, bể, ống cáp,...) viễn thông gắn với các tuyến đường trục chính; chỉnh trang, từng bước ngầm hóa mạng cáp ngoại vi trong toàn khu vực.

- Phát triển mạng di động theo hướng hiện đại; nâng cấp 4G, triển khai 5G và các thế hệ mới, bảo đảm phủ sóng toàn bộ khu vực nghiên cứu. Di dời, cải tạo các trạm BTS không phù hợp; ưu tiên sử dụng trạm nhỏ gọn, bảo đảm an toàn và mỹ quan.

- Phát triển mạng Internet cố định tốc độ cao trên nền cáp quang phủ toàn khu kinh tế; ưu tiên khu hành chính, khu công nghiệp, khu dân cư và dịch vụ. Hình thành điểm truy cập Wi-Fi công cộng tại các trung tâm, quảng trường, bến xe, cảng và cơ quan hành chính.

- Phát triển mạng lưới bưu chính hiện đại, nâng cao chất lượng dịch vụ; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong cung cấp dịch vụ phục vụ người dân và doanh nghiệp.

- Nâng cấp công nghệ chuyển mạch, phát triển hạ tầng viễn thông băng thông rộng, tốc độ cao, hiện đại; bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng; thúc đẩy ứng dụng điện toán đám mây.

- Xây dựng mạng truyền dẫn đồng bộ, có dự phòng, bảo đảm hoạt động ổn định trong trường hợp nhu cầu tăng cao hoặc thiên tai, sự cố.

đ) Định hướng cấp nước

- Nhu cầu cấp nước sinh hoạt và công nghiệp đến năm 2035 khoảng 104.000 m³/ngày đêm, đến năm 2050 khoảng 168.000 m³/ngày đêm.

- Nguồn nước: Khai thác nguồn nước mặt sông Đa Độ, sông Chanh Dương, sông Thái Bình, Kênh Trục 1; tận dụng nước sông, hồ, nước mưa và tái sử dụng nước thải sinh hoạt để tưới cây, rửa đường, cứu hỏa và nhà vệ sinh công cộng trong Khu kinh tế.

- Công trình đầu mối: Cải tạo nâng công suất các nhà máy nước hiện có: Cầu Nguyệt, Hưng Đạo, Vĩnh Bảo 1, Vĩnh Bảo 2, Ngũ Đoan và Xây mới các nhà máy nước Bắc Tiên Lãng, Kiến Hải, khu công nghiệp Tân Trào, khu công nghiệp Tiên Lãng 1. Ngừng hoạt động các nhà máy nước có nguồn nước thô không đảm bảo chất lượng hiện đang cấp nước cho các xã trong Khu kinh tế; cập nhật các công trình cấp nước nằm trong các quy hoạch phân khu các khu, cụm công nghiệp đã được phê duyệt.

- Mạng lưới cấp nước: Tiếp tục sử dụng các tuyến ống cấp nước hiện có chất lượng hoạt động tốt. Thiết kế mạng lưới đường ống chính trong khu vực theo dạng mạng vòng đảm bảo cấp nước liên tục, an toàn, đáp ứng đủ nhu cầu dùng nước cho các đối tượng.

- Cấp nước cứu hỏa: Tuân thủ Luật Phòng cháy, chữa cháy và cứu nạn, cứu hộ số 55/2024/QH15, Luật Phòng cháy chữa cháy số 27/2001/QH10 và Luật số 40/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy chữa cháy số 27/2001/QH10. Tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia QCVN 06:2022/BXD và sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD về an toàn cháy cho nhà và công trình.

e) Định hướng thu gom và xử lý nước thải

Tổng lượng nước thải sinh hoạt và công nghiệp đến năm 2035 khoảng 88.000 m³/ngày đêm, đến năm 2050 khoảng 152.000 m³/ngày đêm.

- Xây mới các trạm xử lý nước thải sinh hoạt (TXLNT): TXLNT Đông Nam 2, TXLNT An Hưng, TXLNT Kiến Hưng, TXLNT Hùng Thắng, TXLNT Nguyễn Bình Khiêm.

- Xây mới các trạm xử lý nước thải khu, cụm công nghiệp (cập nhật theo quy hoạch phân khu đã phê duyệt) gồm: TXLNT Ngũ Phúc, TXLNT Tân Trào, TXLNT logistics Kiến Hải; TXLNT số 1, 2, 3 (khu công nghiệp Tiên Lãng 1); TXLNT số 1, 2, 3 (Sân bay Tiên Lãng); TXLNT cảng biển Tiên Lãng; TXLNT Trần Dương - Hòa Bình A, B, C. Một số cụm công nghiệp dự kiến sẽ xử lý cục bộ đạt quy chuẩn cột A trước khi xả vào kênh thoát nước.

- Quy hoạch mạng lưới thoát nước riêng hoàn toàn (tách nước thải riêng), khu kinh tế sẽ được thiết kế các tuyến cống với kích thước cống D300mm-D800mm thu gom toàn bộ nước thải về trạm xử lý. Nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý là hệ thống sông Thái Bình, sông Họng, sông Văn Úc và kênh Đồng Thê, kênh Ba Gian, kênh tiêu trong khu công nghiệp.

- Nước thải sinh hoạt của khu vực đô thị phải được thu gom và xử lý đạt quy chuẩn cột A, QCVN 14:2025/BTNMT trước khi xả ra nguồn tiếp nhận. Tỷ lệ nước thải sinh hoạt của khu vực đô thị được thu gom và xử lý đạt hơn 90% đến năm 2035 và đạt 100% đến năm 2050.

- Nước thải công nghiệp từ các khu công nghiệp, cụm công nghiệp phải được xử lý đạt quy chuẩn cột A, QCVN 40:2025/BTNMT trước khi xả ra hệ thống thoát nước đô thị hoặc nguồn tiếp nhận.

- Định hướng tăng khả năng tuần hoàn, tái sử dụng, nhằm hạn chế xả thải ra môi trường đối với nước thải công nghiệp.

g) Định hướng thu gom và xử lý chất thải rắn

Tổng lượng chất thải rắn phát sinh đến năm 2035 khoảng 900 tấn/ngày; đến năm 2050 khoảng 1.300 tấn/ngày.

- Tất cả các loại hình chất thải rắn phải được phân loại tại nguồn. Chất thải

rắn công nghiệp và y tế nguy hại phải được thu gom và vận chuyển riêng.

- Đối với các bãi chôn lấp chất thải rắn hiện trạng, sẽ có kế hoạch dừng hoạt động sau khi được lấp đặt thay thế bằng các lò đốt chất thải rắn đúng quy cách. Các bãi chôn lấp này sẽ được hoàn nguyên theo đúng các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường.

- Dự kiến 03 khu xử lý: Khu xử lý chất thải rắn Đình Vũ 29,6 ha, Khu xử lý chất thải rắn Trần Dương - Hoà Bình (giai đoạn 1 khoảng 40 ha, giai đoạn 2: 80 ha) và Khu xử lý chất thải rắn Tân Trào diện tích khoảng 10 ha.

h) Định hướng nhà tang lễ, nghĩa trang

Bố trí 01 nhà tang lễ tại khu vực xã Hùng Thắng, quy mô khoảng 01 ha.

- Kết hợp khai thác sử dụng các nghĩa trang hiện hữu và nghĩa trang cấp thành phố để đáp ứng nhu cầu an táng của người dân trong Khu kinh tế.

- Đối với nghĩa trang hiện có không đủ khoảng cách ly vệ sinh thì không mở rộng thêm, có lộ trình dừng việc chôn cất hung táng, cải tạo các nghĩa trang này thành công viên nghĩa trang hoặc di dời nếu có nhu cầu đất xây dựng.

- Nghĩa trang quy hoạch mới: Thực hiện theo quy hoạch chung của thành phố. Sử dụng công nghệ hỏa táng, cát táng. Trong phạm vi Khu kinh tế dự kiến nghĩa trang Đồng Rừng diện tích khoảng 94,5 ha.

16. Giải pháp bảo vệ môi trường

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp quản lý, kỹ thuật giảm thiểu các tác động tiêu cực đến môi trường tự nhiên (môi trường đất, nước, không khí, hệ sinh thái...) và xã hội; đảm bảo sự phát triển bền vững khu vực trong tương lai.

- Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ môi trường công nghiệp; xây dựng các cơ chế khuyến khích đối với các doanh nghiệp áp dụng công nghệ hiện đại, thân thiện môi trường, phát thải ô nhiễm thấp, có các giải pháp quản lý và xử lý môi trường tốt, hiệu quả; đồng thời có chế tài xử phạt nghiêm khắc đối với các cá nhân, tổ chức gây tác động tiêu cực đến môi trường.

- Thực hiện tốt công tác phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu; thận trọng trong quá trình thực hiện các dự án lấn biển; bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên.

- Tăng cường công tác quản lý, giám sát và bảo vệ môi trường. Thực hiện tốt công tác quan trắc môi trường. Nâng cao ý thức cộng đồng trong công tác quản lý và bảo vệ môi trường.

17. Các chương trình và dự án ưu tiên đầu tư (đợt đầu đến năm 2035)

- Xây dựng hệ thống hạ tầng khung:

+ Hoàn chỉnh tuyến đường cao tốc ven biển; xây dựng, nâng cấp các tuyến đường kết nối khu kinh tế với Quảng Ninh, Hưng Yên và khu vực Tây Hải Phòng (đường tỉnh 354, 212, đường nối từ cầu Lạng Am đến cao tốc Ninh Bình - Hải Phòng, cầu Văn Úc 2, đoạn từ cao tốc Hà Nội - Hải Phòng đến nút giao đường bộ ven biển, đoạn kết nối với đường tỉnh 353, tuyến đường từ đường ven biển đến đường sau cảng Nam Đồ Sơn...).

+ Đầu tư xây dựng tuyến đường sắt tốc độ cao Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng và tuyến nhánh kết nối cảng Nam Đồ Sơn, xây dựng ga Nam Đồ Sơn.

+ Xây dựng khu bến cảng và trung tâm logistics Nam Đồ Sơn: giai đoạn 2026 - 2030 đầu tư xây dựng 2 cầu cảng với tổng chiều dài 900 m cho tàu đến 200.000 tấn, công suất khoảng 2 triệu TEU.

+ Xây dựng nhà máy điện LNG Hải Phòng công suất 4800 MW.

+ Cải tạo nâng công suất và xây dựng mới các nhà máy nước theo quy hoạch.

- Phát triển xây dựng hạ tầng các khu công nghiệp, đầu tư xây dựng khu công nghệ cao để thu hút các ngành công nghiệp công nghệ mới: khu công nghiệp sân bay Tiên Lãng Khu A, B; khu công nghiệp Trần Dương - Hòa Bình Khu A, B; khu công nghiệp Tiên Lãng 2 (giai đoạn 1); khu công nghiệp Tân Trào (giai đoạn 1); khu công nghiệp Ngũ Phúc (giai đoạn 1); khu công nghiệp Tiên Lãng 1 (giai đoạn 1); cụm công nghiệp Tân Trào, cụm công nghiệp An Thọ, cụm công nghiệp An Thọ - Chiến Thắng.

- Phát triển xây dựng Khu thương mại tự do: các khu chức năng dịch vụ, công nghiệp và nhà ở.

- Phát triển các khu dân cư khu vực lõi trung tâm (Phân khu 01, 05), các khu tái định cư.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng thực hiện:

- Đảm bảo hồ sơ Quy hoạch chung Khu kinh tế ven biển phía Nam Hải Phòng đến năm 2050 đồng bộ và thống nhất thuyết minh, phụ lục, bản vẽ đúng nội dung Quyết định phê duyệt của Thủ tướng Chính phủ theo đúng quy định của pháp luật.

- Phối hợp với Bộ Xây dựng tổ chức công bố công khai quy hoạch; lưu trữ và lưu giữ hồ sơ phê duyệt Quy hoạch chung Khu kinh tế ven biển phía Nam Hải Phòng đến năm 2050 được duyệt theo quy định.

- Tổ chức rà soát, điều chỉnh, lập mới các quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch chuyên ngành hạ tầng kỹ thuật phù hợp với Quy hoạch chung Khu kinh tế ven biển phía Nam Hải Phòng đến năm 2050, đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật, đáp ứng yêu cầu của Quy hoạch, điều kiện thực tiễn phát triển chức năng khu kinh tế và khu chức năng đô thị và nông thôn của địa phương.

- Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của nội dung, thông tin và các số liệu của hồ sơ Quy hoạch chung Khu kinh tế ven biển phía Nam Hải Phòng đến năm 2050, không hợp thức hoá các sai phạm. Các nội dung quy hoạch chung xây dựng phải đảm bảo phù hợp với Quy hoạch cấp trên có liên quan. Quy hoạch sử dụng đất phải đảm bảo thống nhất với chỉ tiêu sử dụng đất được phân bổ cho thành phố Hải Phòng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Chịu trách nhiệm: Đánh giá, rà soát hiện trạng, số liệu, bản vẽ; xem xét các quy hoạch và dự án đã được phê duyệt hoặc chấp nhận chủ trương đầu tư đảm bảo phù hợp với Quy hoạch chung Khu kinh tế ven biển phía Nam Hải Phòng đến năm 2050, đảm bảo phù hợp với các định hướng của thành phố và của quốc gia; đảm bảo thận trọng, chặt chẽ, phù hợp với quy hoạch - kế hoạch sử dụng đất của thành phố và của quốc gia giai đoạn 2021 - 2030, đảm bảo tuân thủ đúng quy định pháp luật; không gây thất thoát lãng phí, tính toán đảm bảo hiệu quả về hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ cảnh quan môi trường và sự đồng thuận của cộng đồng dân cư, phát triển hài hoà, giữ gìn cảnh quan môi trường.

- Trong quá trình tổ chức triển khai Quy hoạch chung Khu kinh tế ven biển phía Nam Hải Phòng đến năm 2050 phải đảm bảo tuân thủ các quy định của Luật Đất đai, Luật Xây dựng, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Đề điều và các quy định pháp luật khác có liên quan...; đảm bảo quốc phòng, an ninh, an toàn phòng, chống lũ, biến đổi khí hậu; sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả, phát triển bền vững kinh tế - xã hội và môi trường, không để xảy ra các chồng chéo, tranh chấp, khiếu kiện trong quá trình tổ chức thực hiện; không gây thất thoát lãng phí, tính toán đảm bảo về hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ cảnh quan môi trường và đảm bảo sự đồng thuận của cộng đồng dân cư, phát triển hài hoà, giữ gìn cảnh quan môi trường; kịp thời báo cáo cấp có thẩm quyền những vấn đề vượt thẩm quyền.

2. Bộ Xây dựng chịu trách nhiệm về kết quả thẩm định số liệu, dữ liệu, bản đồ và hồ sơ Quy hoạch chung Khu kinh tế ven biển phía Nam Hải Phòng đến năm 2050. Bộ Xây dựng lưu trữ, lưu giữ hồ sơ Quy hoạch chung Khu kinh tế ven biển phía Nam Hải Phòng đến năm 2050 đã được thẩm định và phê duyệt theo quy định của pháp luật. Hướng dẫn và thường xuyên, định kỳ kiểm tra việc thực hiện Quy hoạch chung Khu kinh tế ven biển phía Nam Hải Phòng đến năm 2050 được duyệt tuân thủ đúng quy định pháp luật.

3. Giao các bộ, ngành theo chức năng, nhiệm vụ hướng dẫn, phối hợp với Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng trong việc triển khai thực hiện Quy hoạch chung Khu kinh tế ven biển phía Nam Hải Phòng đến năm 2050 được duyệt, xây dựng, phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng Khu kinh tế ven biển phía Nam Hải Phòng, triển khai thực hiện các quy hoạch ngành, quy hoạch đô thị - nông thôn tại địa phương, đảm bảo tính đồng bộ và thống nhất, tuân thủ đúng quy định pháp luật.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, Bộ trưởng Bộ Xây dựng và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ: Xây dựng, Văn hóa, Thể thao và Du lịch, Tài chính, Nông nghiệp và Môi trường, Công Thương, Công an, Quốc phòng;
- Thành ủy, HĐND, UBND thành phố Hải Phòng;
- Ban Quản lý Khu kinh tế Hải Phòng;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ: TH, NN, KTTH, QHĐP, PL, KGVX, NC;
- Lưu: VT, CN (2b). ĐTQ

**KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Trần Hồng Hà